

Số: 118/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-KĐCL ngày 25/9/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIV ngày 15/10/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Toàn

Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 118/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3.98	Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3.92
Tiêu chuẩn 1	3.80	Tiêu chuẩn 13	4.20
Tiêu chuẩn 2	4.00	Tiêu chuẩn 14	3.60
Tiêu chuẩn 3	4.00	Tiêu chuẩn 15	4.00
Tiêu chuẩn 4	3.75	Tiêu chuẩn 16	3.75
Tiêu chuẩn 5	3.75	Tiêu chuẩn 17	4.25
Tiêu chuẩn 6	4.14	Tiêu chuẩn 18	3.75
Tiêu chuẩn 7	4.40	Tiêu chuẩn 19	3.75
Tiêu chuẩn 8	4.00	Tiêu chuẩn 20	4.00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3.97	Tiêu chuẩn 21	4.00
Tiêu chuẩn 9	3.83	Mục 4. Kết quả hoạt động	3.98
Tiêu chuẩn 10	4.25	Tiêu chuẩn 22	4.25
Tiêu chuẩn 11	4.00	Tiêu chuẩn 23	3.67
Tiêu chuẩn 12	3.80	Tiêu chuẩn 24	4.00
		Tiêu chuẩn 25	4.00

Phụ lục II**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 118/NQ-HĐKĐCL ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được xác định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập, phân định rõ trách nhiệm và đang dần được hoàn thiện, tuân thủ Luật Giáo dục đại học. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập và có các giải pháp khả thi để thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng và cập nhật kịp thời. Quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng đầu tư và triển khai có kết quả; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu. Tình hình tài chính ổn định, nguồn thu có sự gia tăng đảm bảo nguồn lực triển khai các hoạt động và có tích lũy. Cơ sở vật chất, cảnh quan môi trường được đầu tư, đánh giá và cải tiến. Hoạt động hợp tác doanh nghiệp trong nước và quốc tế phát triển mạnh.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng. Chính sách chất lượng được xây dựng và thực thi. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai đã hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành thông qua các hoạt động khảo sát, tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở và các CTĐT. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin được chú trọng; dữ liệu thông tin được lưu trữ và cập nhật. Lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được quan tâm đầu tư, thực hiện; tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai; kết quả tuyển sinh đại học khá ổn định. Việc phát triển CTĐT được thực hiện theo quy định. Các hoạt động dạy, học phù hợp với định hướng đào tạo; được ứng dụng công nghệ trong đào tạo được quan tâm. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được thực hiện hàng năm; các chỉ số thực hiện chính được xây dựng, rà soát, điều chỉnh và được sử dụng để đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học được thiết lập và triển khai bước đầu có nền nếp. Chiến lược và kế hoạch phát triển hợp tác trong nghiên cứu được xác định và có các giải pháp thực hiện; hoạt động quan hệ đối ngoại và mạng lưới đối tác được mở rộng, phát huy hiệu quả. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng khá đa dạng gắn với thế mạnh của Nhà trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai hiệu quả và có sự hỗ trợ của phần mềm; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng và mức

độ đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá khá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định và quan tâm thực hiện, trong đó có đề tài nghiên cứu với doanh nghiệp; kết quả công bố khoa học, nhất là trên hệ thống ISI, Scopus có sự gia tăng. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được quy định cụ thể, được triển khai, đánh giá và có các tác động xã hội tích cực. Việc giám sát kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được quan tâm thực hiện góp phần quảng bá hình ảnh, tăng uy tín cho Nhà trường.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm cần cải tiến để nâng cao chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hợp tác sâu rộng, hiệu quả với các bên liên quan trong xây dựng, phát triển, thực hiện và giám sát, cải tiến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; nâng cao năng lực của cán bộ, GV, người học trong vận dụng vào các hoạt động để phát triển Nhà trường và xây dựng văn hóa chất lượng. Áp dụng quản trị đại học tiên tiến, cách mạng công nghiệp 4.0, tích hợp các quy định, hướng dẫn thực hiện, vận dụng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, khẩu hiệu hành động vào các quy định, hướng dẫn các hoạt động Nhà trường.

2. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến và thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, công nghệ số, đổi mới sáng tạo và áp dụng hiệu quả quy trình P-D-C-A với sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ về quản trị đại học tiên tiến, thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển, thực hiện trách nhiệm giải trình đảm bảo tính bền vững; quan tâm quản trị rủi ro của hệ thống quản trị dựa vào bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Quy định cụ thể mối quan hệ công tác giữa Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các tổ chức đoàn thể để phân định rõ hơn về quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực thi. Thành lập các bộ phận cụ thể hóa việc thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng trường theo quy định của pháp luật. Rà soát các chính sách có tính đột phá để phát triển đội ngũ, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng dựa trên các căn cứ khoa học và kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học tiên tiến khác.

4. Rà soát, hoàn thiện kế hoạch chiến lược: bám sát sứ mạng và thực hiện tầm nhìn của Trường trong giai đoạn mới; bổ sung các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển ngành trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và các Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai về nguồn nhân lực, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Có các CTĐT hỗ trợ thực hiện chiến lược trở thành trường đại học số hiện đại có khác biệt, tạo môi trường nuôi dưỡng và kiến tạo giá trị gia tăng.

5. Có quy định, hướng dẫn và tập huấn về xây dựng các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xây dựng quy trình, hướng dẫn, tiêu chí giám sát, rà soát và đánh giá hiệu quả của các chính sách đang được thực hiện. Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách trong quá trình thực hiện và sau cải tiến một cách đầy đủ và toàn diện hơn.

6. Có các giải pháp để giữ chân người tài, thu hút được các nhà khoa học đầu ngành. Quy định tỷ lệ ngân sách trong cơ cấu chi cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Xây dựng, ban hành

và áp dụng hệ thống chỉ báo KPIs trong đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên và đãi ngộ để tạo động lực. Thường xuyên lấy ý kiến các bên liên quan đối với công tác rà soát, với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực để có những cải tiến phù hợp, hiệu quả.

7. Có các giải pháp đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ liên kết đào tạo quốc tế, dự án, hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn, hoạt động khoa học công nghệ, trong đó có tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế và hợp tác với doanh nghiệp trong khoa học công nghệ. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số để nâng cao chất lượng đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu; đồng bộ hóa các phần mềm theo mô hình đại học thông minh, đại học số hóa để thực hiện được chiến lược phát triển trường tầm nhìn 2035. Tích cực số hóa các nguồn học liệu, bổ sung đầy đủ các giáo trình, tài liệu tham khảo, các học liệu tham khảo bằng tiếng Anh và cơ sở dữ liệu trực tuyến.

8. Có kế hoạch và chính sách thúc đẩy các đối tác chiến lược, xây dựng mạng lưới và quan hệ hợp tác lâu dài trong và ngoài nước phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh và tầm nhìn; rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng quy chế phối hợp để truyền thông về phát triển đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại và chính sách hợp tác đến các bên liên quan.

9. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp với các mục tiêu chiến lược, nhu cầu phát triển của Nhà trường tương thích với các yêu cầu của hệ thống tin đảm bảo chất lượng bên ngoài và bối cảnh Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động tin đảm bảo chất lượng; bố trí nguồn lực tương xứng, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách và có biện pháp thích hợp để thu hút các bên liên quan tham gia tích cực vào quá trình thực hiện tin đảm bảo chất lượng. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng, chú trọng đến truyền thông tin đảm bảo chất lượng và những kế hoạch, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

10. Có phương án điều phối/bổ sung nhân lực chuyên trách tin đảm bảo chất lượng. Tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá; lựa chọn ưu tiên, tập trung các phát hiện qua tự đánh giá và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp, nhất là việc thiết kế và điều chỉnh CTĐT theo định hướng giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra. Chia sẻ và lan tỏa trong các đơn vị các thực hành tin đảm bảo chất lượng tốt nhất để đáp ứng đầy đủ, có hiệu quả cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

11. Rà soát và có kế hoạch phát triển hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và hệ thống thông tin truyền thông ra bên ngoài để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác; trực quan hóa bằng hình ảnh, biểu đồ các chỉ số thực hiện Kế hoạch chiến lược nhằm mục đích dự báo, hỗ trợ ra quyết định hiệu quả. Chủ động cung cấp các thông tin, dữ liệu tin đảm bảo chất lượng liên quan đến CTĐT, các hoạt động nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và dữ liệu đối sánh để phục vụ kịp thời cho ra quyết định quản lý.

12. Triển khai đầy đủ, toàn diện công tác đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng, các dịch vụ hỗ trợ người học nhằm mục đích cải tiến chất lượng và hiệu quả. Xác định rõ vai trò của đối sánh cấp khoa/viện, đối sánh cấp trường và đối sánh ngoài đối với các hoạt động để cải tiến liên tục. Triển khai đa dạng các chỉ số đối sánh với đơn vị có thực hành tốt để học hỏi kinh nghiệm; đối sánh theo dữ liệu xếp hạng để cải tiến, tăng mục tiêu; đối sánh các hoạt động và tiêu chí/chức năng về các mảng hoạt động để có căn cứ cải tiến.

13. Tiếp tục điều chỉnh chính sách tuyển sinh để thu hút học sinh giỏi và xuất sắc; có giải pháp tăng quy mô tuyển sinh SDH. Ban hành quy trình chi tiết và thực hiện giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù của Trường; đánh giá kết quả, phân tích sâu sắc nguyên nhân kết quả tuyển sinh làm cơ sở thiết lập các biện pháp cải tiến phù hợp, hiệu quả.

14. Có quy định tổng thể việc phát triển CTĐT dựa trên chuẩn đầu ra; tổ chức rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của các học phần và của CTĐT; hoàn thiện, cập nhật đề cương của các học phần. Xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT làm căn cứ rà soát, cập nhật nội dung của CTĐT. Nghiên cứu xây dựng các CTĐT có tính xuyên ngành kinh tế-công nghệ phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và giáo dục mở tăng, tính liên thông, tích hợp; cập nhật, bổ sung các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế chuyển đổi số trong CTĐT.

15. Có hướng dẫn chi tiết việc thiết kế và lựa chọn các hình thức dạy - học phù hợp với chuẩn đầu ra. Chú trọng đổi mới các phương pháp dạy - học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, tăng các hình thức học tập trải nghiệm, học theo dự án/đề án, hoạt động dạy học theo cá thể hóa để thúc đẩy tinh thần tự học, năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số cho người học. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, các hỗ trợ cho người học khởi nghiệp; gắn kết yêu cầu thực hiện luận văn thạc sĩ với yêu cầu chuyên môn của đơn vị người học công tác.

16. Hoàn thiện quy định về kiểm tra đánh giá cập nhật các yêu cầu hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có hướng dẫn việc lựa chọn các hình thức đánh giá đảm bảo đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra nhất là đối với các chuẩn năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Sớm ban hành quy trình thẩm định, phân tích đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng và yêu cầu các đơn vị đào tạo triển khai thực hiện định kỳ. Sớm xây dựng lộ trình và công cụ đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

17. Phân tích xuyên suốt chuẩn đầu ra của từng CTĐT và làm rõ mục tiêu, kế hoạch hành động để hỗ trợ hiệu quả cho người học để đạt được chuẩn đầu ra. Phân công đơn vị chịu trách nhiệm chính về hoạt động của sinh viên để ban hành và triển khai kế hoạch tổng thể, đồng bộ. Hàng năm rà soát, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp các tính năng mới phù hợp với quy định và yêu cầu hiện tại. Có giải pháp để hỗ trợ hiệu quả các học viên sau đại học.

18. Rà soát, hoàn thiện bộ chỉ số thực hiện hoạt động khoa học công nghệ trong kế hoạch trung hạn và hàng năm phù hợp với Chiến lược phát triển Trường; đánh giá kết quả đạt được và có các giải pháp phù hợp để đảm bảo tính khả thi. Đa dạng hóa việc tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, tích cực khai thác nguồn kinh phí của các địa phương và doanh nghiệp. Xác định và phát triển các hướng nghiên cứu mũi nhọn phù hợp với nội lực và yêu cầu của các địa phương; có các giải pháp kịp thời để phát triển các nhóm nghiên cứu, chương trình nghiên cứu với các sản phẩm có giá trị thực tiễn, có khả năng chuyển giao và thương mại hóa.

19. Xây dựng kế hoạch, định kỳ tổng kết, rà soát, đánh giá về công tác quản lý tài sản trí tuệ để có kế hoạch cải tiến hiệu quả hơn. Xây dựng các KPIs về tài sản trí tuệ tương thích và phù hợp với Chiến lược phát triển Trường và chiến lược khoa học công nghệ. Triển khai các biện pháp hiệu quả động viên khuyến khích cán bộ giảng viên tích cực đăng ký bảo hộ phát minh, sáng chế; chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học tạo ra sản phẩm có thể thương mại hoá và xây dựng chính sách hỗ trợ thương mại hoá các sản phẩm này.

20. Rà soát, cập nhật các tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, đánh giá tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học để có định hướng và chính sách phát triển quan hệ hợp tác, thu hút đội ngũ chuyên gia có chuyên môn cao trong và ngoài nước. Xác định rõ đầu mối phụ trách quan hệ đối ngoại; xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác; chú trọng phát triển các đối tác có thể mạnh trong các lĩnh vực có liên quan của Nhà trường theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa hai bên nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

21. Xây dựng kế hoạch thực hiện việc kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng phù hợp với tình hình thực tiễn, chú trọng thế mạnh của Nhà trường trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục mở và quan tâm đến việc tạo giá trị bên trong Trường giữa cộng đồng cán bộ, giảng viên, người học, các đối tác; có các chỉ số định lượng trong kế hoạch và xác định rõ hơn các nguồn lực thực hiện. Đa dạng hóa hơn các hoạt động kết nối cộng đồng, trong đó quan tâm đến học tập suốt đời của người lớn. Cải tiến hệ thống đo lường, giám sát đảm bảo đồng bộ với quy định, kế hoạch và phù hợp tình hình thực tiễn các hoạt động phục vụ cộng đồng.

22. Đánh giá, phân tích dữ liệu về người học hàng năm để xác lập các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, dự đoán tỷ lệ sinh viên có việc làm và mức độ hài lòng của các bên liên quan một cách đầy đủ, khoa học theo từng chương trình đào tạo để có các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng đào tạo. Thực hiện đầy đủ việc khảo sát, đối sánh kết quả đào tạo giữa các CTĐT, giữa kết quả của Trường với các trường đại học khác để cải tiến.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thực hiện đồng bộ đối sánh các hoạt động khoa học công nghệ để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu; có các giải pháp hiệu quả để giám sát, thúc đẩy đồng bộ hoạt động nghiên cứu khoa học. Tích cực huy động các nguồn lực tài chính và đầu tư cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyên gia khoa học công nghệ; chú trọng khai thác nguồn lực từ các địa phương và các đối tác cho hoạt động khoa học công nghệ. Xây dựng các chính sách và giải pháp phù hợp để đảm bảo thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

24. Hoàn thiện danh mục hoạt động phục vụ cộng đồng với các chỉ số tương ứng; xây dựng hệ thống dữ liệu chung về loại hình và khối lượng, kết quả tham gia của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Có các giải pháp, chương trình thực hiện xây dựng xã hội học tập cộng đồng, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật ra cộng đồng. Xây dựng và triển khai kế hoạch đánh giá một cách bài bản, khoa học tác động xã hội của các hoạt động phục vụ cộng đồng và mức ảnh hưởng tới những người thụ hưởng và cả những người tham gia thực hiện; phân tích kết quả hoạt động và kết quả khảo sát hằng năm để xây dựng và thực hiện cải tiến chất lượng.

25. Xác định bằng văn bản các chỉ số kết quả thị trường của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng: chỉ số cạnh tranh, thị phần, thứ hạng. Lựa chọn đối tác đối sánh theo tầm nhìn và xây dựng hệ thống giám sát tổng thể kết quả các chỉ số thị trường của các hoạt động. Có lộ trình tham gia xếp hạng các trường đại học theo bảng xếp hạng có uy tín nhằm thực hiện chiến lược phát triển Trường tầm nhìn đến năm 2035.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong

quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
